

Bản án số: 21/2021/HSST
Ngày: 24 - 8 – 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ln.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dự – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Công Ninh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đối với các bị cáo:

1. TRẦN VĂN T1; Sinh ngày: 01/01/1981; Nơi sinh: C, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Tổ 7, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: (không biết chữ); Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Trần Văn B (đã chết); Mẹ: Trần Thị X; Anh, chị, em ruột: 10 người, bị cáo là người thứ 10 (út); Bị cáo có vợ là: Trần Thị Thanh T1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005 và con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 16/12/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. VÕ VĂN R; Sinh ngày: 29/5/1976; Nơi sinh: C, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Tổ 7, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Võ Văn T1lăng (đã chết); Mẹ: Lê Thị B; Anh, chị, em ruột: 03 người, bị cáo là người thứ 3 (út); Bị cáo có vợ là: Trần Ngọc D và có 01 con, sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 16/12/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ 7, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 08/12/2020, Tổ tuần tra kiểm soát Đồn Biên phòng Vĩnh Nguơn, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang đang làm Nệm vụ tại khu vực ấp Bà Bài, xã T, thành phố C phát hiện Võ Văn R cùng Lý Thị G, Nguyễn Ngọc Dung N, Chung Thị Mỹ H1, Trương Đỗ Thục N, Nguyễn Thị Bé H2, Tăng Pha L và Phạm Thị Xuân T3 đi từ hướng Campuchia về Việt Nam có biểu hiện nghi vấn nhập cảnh trái phép nên mời về Đồn Biên phòng Vĩnh Nguơn để làm việc. Tại đây R khai nhận được Trần Văn T1 rủ dẫn 07 người phụ nữ nhập cảnh trái phép từ trường học bỏ hoang thuộc ấp Trâm Bàu, xã Chây Chốt, huyện Bourei Cholsa, tỉnh Takeo, vương quốc Campuchia về Việt Nam để được T trả tiền công 100.000đồng/người, khi dẫn đến khu vực ấp Bà Bài, xã T thì bị lực lượng Bộ đội Biên phòng phát hiện, bắt giữ. Đến ngày 09/12/2020, Trần Văn T1 đến Đồn Biên phòng Vĩnh Nguơn để đầu thú.

Bản cáo trạng số 60/CT-VKSAG-P1 ngày 05/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Trần Văn T1 và Võ Văn R về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo T và R cùng khai nhận: Võ Văn R là anh rể của Trần Văn T1. Ngày 08/12/2020, T được một người tên Lêul ở Campuchia (không rõ Li lịch, địa chỉ) gọi điện thoại thuê đưa 07 người phụ nữ từ khu vực trường học thuộc ấp Trâm Bàu, xã Chây Chốt, huyện Bourei Cholsa, tỉnh Takeo, vương quốc Campuchia về Việt Nam sẽ cho tiền. Đến tối cùng ngày, T rủ R cùng thực hiện và hứa trả công cho R 100.000đồng/người thì R đồng ý. Sau đó T điều khiển vỏ lãi chở R đến rào chắn, cách mốc biên giới khoảng 200m rồi đi bộ đến khu vực trường học gặp Lêul nhận 07 người phụ nữ. T dùng vỏ lãi chở hành lý của các phụ nữ này về trước, còn R dẫn bộ 07 phụ nữ này theo đường đồng qua biên giới về Việt Nam thì bị lực lượng Bộ đội Biên phòng phát hiện, bắt giữ như nội dung của Bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo biết việc làm của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả xảy ra, cũng như tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17;

Điều 38 và Điều 58. Riêng bị cáo R áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, để xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 05 năm tù đến 06 năm tù và phạt bị cáo Võ Văn R từ 03 năm tù đến 5 năm tù về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về phần xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước điện thoại di động thu giữ của bị cáo T. Trả lại cho bị cáo T và vợ 01 vỏ lãi đã thu giữ trong vụ án; Trả lại cho bị cáo R điện thoại đã thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng và chứng cứ trong hồ sơ vụ án: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo T, R tại phiên tòa phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của những người liên quan như Lý Thị G, Nguyễn Ngọc Dung N, Chung Thị Mỹ H1, Trương Đỗ Thực N, Nguyễn Thị Bé H2, Tăng Pha L và Phạm Thị Xuân T3 cùng các chứng cứ khác thu thập được trong giai đoạn điều tra có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định: Vì mục đích thu lợi bất chính nên vào ngày 08/12/2020, Trần Văn T1 và Võ Văn R có hành vi tổ chức cho Lý Thị G, Nguyễn Ngọc Dung N, Chung Thị Mỹ H1, Trương Đỗ Thực N, Nguyễn Thị Bé H2, Tăng Pha L và Phạm Thị Xuân T3 nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam. Hành vi của Trần Văn T1 và Võ Văn R đã phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” phạm vào điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới. Đặc biệt là trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trong nước cũng như trên thế giới thì việc đưa 7 người nhập cảnh trái phép vào lãnh thổ Việt Nam có thể làm bùng phát dịch bệnh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, thế nhưng vì háms lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh đúng theo pháp luật nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra và cùng phải chịu chế tài do điều luật quy định, song về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng riêng đối với bị cáo đó. Trong vụ án này, T là người rủ rê lôi kéo R và cùng R trực tiếp thực hiện tội phạm nên T có vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm cao hơn so với R.

Các bị cáo đều thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Riêng bị cáo T có anh ruột là Liệt sĩ và sau khi phạm tội bị cáo T đã đầu thú tại cơ quan có thẩm quyền. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự để áp dụng đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Đối với Lý Thị G, Nguyễn Ngọc Dung N, Chung Thị Mỹ H1, Trương Đỗ Thực N, Nguyễn Thị Bé H2, Tăng Pha L và Phạm Thị Xuân T3 có hành vi nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nên đã bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với người đàn ông tên Lêul không rõ Li lịch, cơ quan An ninh Điều tra sẽ tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[5] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra có thu giữ 01 chiếc vỏ lõi composite hiệu Cà Mau kèm máy nổ hiệu Hinota đã qua sử dụng; 02 điện thoại di động hiệu Nokia. Sẽ được xử lý như sau:

- Chiếc vỏ lõi composite hiệu Cà Mau kèm máy nổ hiệu Hinota đã qua sử dụng là phương tiện bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội, nên lẽ ra phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Tuy Nén xét thấy đây là tài sản chung của bị cáo T và vợ là Trần Thị Thanh T1, tài sản này được vợ chồng bị cáo sử dụng làm phương tiện sinh sống hàng ngày. Trong sự việc phạm tội bị cáo chưa sử dụng chở 07 người nhập cảnh trái phép, đồng thời bị cáo và vợ bị cáo tha thiết xin được nhận lại tài sản này. Do đó HĐXX chiêu cố trả lại tài sản này cho bị cáo và vợ bị cáo.

- Đối với Điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, số Imei 353161119963349, kèm sim điện thoại số 0378645137 thu giữ của bị cáo Võ Văn R, không liên quan đến sự việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo R.

- Điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei 357732107697234, kèm sim điện thoại số 0988917764 thu giữ của bị cáo Trần Văn T1, đây là tài sản T dùng làm phương tiện liên lạc đưa người nhập cảnh trái phép sẽ tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T1 và Võ Văn R phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn T1 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Võ Văn R 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei 357732107697234, kèm sim điện thoại số 0988917764.

- Trả lại cho Trần Văn T1 và Trần Thị Thanh T1: 01 chiếc vỏ lái composite hiệu Cà Mau kèm máy nổ hiệu Hinota đã qua sử dụng.

- Trả cho Võ Văn R điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, số Imei 353161119963349, kèm sim điện thoại số 0378645137.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/8/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Trần Văn T1 và Võ Văn R mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao;
- VKS-ND tỉnh An Giang;
- Cục THA.DS tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam;
- Phòng CSĐT (PC45);
- Bị cáo;
- Đường sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án;
- Tòa Hình sự;
- PV 27;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Linh